

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX

Nhà D9, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Duy Khang	Chủ tịch
Ông Đoàn Châu Phong	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Phương	Ủy viên
Ông Đặng Trần Tuấn	Ủy viên
Ông Lê Thanh Việt Bách	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Phương	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2011)
Ông Nguyễn Duy Khang	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2011)
Ông Đặng Trần Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Lê Thanh Việt Bách	Phó Giám đốc
Ông Bùi Thế Hải	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Nguyễn Thanh Phương
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2012

Số: 101 / Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính riêng của công ty kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 03 đến trang 20. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán được phát hành ngày 14 tháng 02 năm 2011 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 3 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		68.828.055.356	43.940.964.280
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	6.325.916.831	6.514.666.730
1. Tiền	111		4.825.916.831	2.514.666.730
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	4.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.744.734.578	32.576.639.747
1. Phải thu khách hàng	131		58.136.708.911	29.480.325.980
2. Trả trước cho người bán	132		2.731.426.373	2.448.426.781
3. Các khoản phải thu khác	135	6	1.418.889.152	948.959.349
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.542.289.858)	(301.072.363)
IV. Hàng tồn kho	140	7	2.635.070.507	3.536.145.678
1. Hàng tồn kho	141		2.635.070.507	3.536.145.678
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		122.333.440	313.512.125
1. Tài sản ngắn hạn khác	158		122.333.440	313.512.125
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		33.930.073.549	34.020.799.803
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		170.045.802	296.866.598
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.272.232.298	1.165.234.334
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.102.186.496)	(868.367.736)
II. Tài sản cố định	220		28.086.526.050	27.464.723.771
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.970.279.848	3.420.287.292
- Nguyên giá	222		7.645.163.591	7.473.671.026
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.674.883.743)	(4.053.383.734)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	25.116.246.202	24.044.436.479
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.656.510.000	5.656.510.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	4.656.510.000	4.656.510.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	11	2.000.000.000	1.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	11	(1.000.000.000)	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		16.991.697	602.699.434
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		16.991.697	602.699.434
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		102.758.128.905	77.961.764.083

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		82.423.599.015	59.573.390.823
I. Nợ ngắn hạn	310		75.439.560.458	48.389.352.266
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	8.335.575.667	4.200.000.000
2. Phải trả người bán	312		28.572.117.912	19.253.622.777
3. Người mua trả tiền trước	313		9.858.829.427	4.763.220.356
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	4.875.774.674	1.856.714.501
5. Phải trả người lao động	315		22.044.491.881	16.980.915.278
6. Chi phí phải trả	316	14	1.217.358.264	107.349.040
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	568.292.333	1.101.603.279
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(32.879.700)	125.927.035
II. Nợ dài hạn	330		6.984.038.557	11.184.038.557
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	6.400.000.000	10.600.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		41.538.557	41.538.557
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		542.500.000	542.500.000
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		20.334.529.890	18.388.373.260
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	20.334.529.890	18.388.373.260
1. Vốn điều lệ	411		11.000.000.000	11.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.624.190.000	1.624.190.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		6.230.184	47.439.819
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.177.066.833	1.631.137.180
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		504.624.843	235.088.607
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.022.418.030	3.850.517.654
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		102.758.128.905	77.961.764.083

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2011	31/12/2010
1. Ngoại tệ các loại		
VND' 000	50.594	75.720
Tiền gửi ngân hàng	50.594	75.720
EUR	127	7.117
Tiền gửi ngân hàng	127	7.117



Nguyễn Thanh Phương
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2012

Bùi Thế Hải
Kế toán trưởng

Phạm Thị Phương Hoa
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	18	77.745.022.939	60.895.948.402
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	306.285.258	659.233.297
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	77.438.737.681	60.236.715.105
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	19	55.279.612.093	46.703.132.492
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		22.159.125.588	13.533.582.613
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	834.499.447	1.153.423.122
7. Chi phí tài chính	22	21	3.046.878.196	95.661.838
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.046.878.196	95.661.838
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.777.971.174	9.194.248.008
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		5.168.775.665	5.397.095.889
10. Thu nhập khác	31		27.377.783	355.413.346
11. Chi phí khác	32		33.224.819	822.820.065
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(5.847.036)	(467.406.719)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.162.928.629	4.929.689.170
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	1.140.510.599	1.079.638.118
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		4.022.418.030	3.850.051.052
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	3.657	3.500

Nguyễn Thanh Phương
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2012

Bùi Thế Hải
Kế toán trưởng

Phạm Thị Phương Hoa
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.162.928.629	4.929.689.170
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	646.133.809	631.517.421
Các khoản dự phòng	03	3.475.036.255	(629.851.930)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(785.753.331)	(904.070.840)
Chi phí lãi vay	06	2.046.878.196	95.661.838
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.545.223.558	4.122.945.659
Biến động các khoản phải thu	09	(29.333.188.090)	171.566.050
Biến động hàng tồn kho	10	901.075.171	1.319.007.630
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	23.247.939.784	2.813.334.250
Biến động chi phí trả trước	12	585.707.737	454.500.735
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.811.114.247)	(95.661.838)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(564.940.822)	(1.250.488.503)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	47.288.000	39.962.314
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(595.150.000)	(381.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.022.841.091	7.193.566.297
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.267.936.088)	(24.306.807.349)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	700.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	746.369.997	904.070.840
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(521.566.091)	(22.702.736.509)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.135.575.667	14.800.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.200.000.000)	-
3. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(1.631.830.750)	(539.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.696.255.083)	14.261.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(194.980.083)	(1.248.170.212)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.514.666.730	7.715.397.123
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	6.230.184	47.439.819
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6.325.916.831	6.514.666.730



Nguyễn Thanh Phương
 Giám đốc

[Signature]

Bùi Thế Hải
 Kế toán trưởng

[Signature]

Phạm Thị Phương Hoa
 Người lập biểu

Ngày 10 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13 tháng 01 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101445446 điều chỉnh lần thứ năm ngày 25 tháng 4 năm 2011.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 176 (31 tháng 12 năm 2010: 170).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoạt động chính của Công ty là:

- Tư vấn đầu tư: lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình, dự án thuộc các lĩnh vực xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện nhỏ, cấp thoát nước và môi trường;
- Tư vấn đầu thầu: lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng;
- Đo đạc, khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn phục vụ cho thiết kế công trình lập dự án đầu tư;
- Thiết kế quy hoạch các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp;
- Thiết kế các công trình công nghiệp, dân dụng, trường học, bệnh viện, công trình văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao, trang trí nội ngoại thất, các công trình cầu cảng, thủy lợi, thủy điện nhỏ, công trình đường dây và trạm biến thế điện 35KV, công trình cấp thoát nước và môi trường;
- Nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong thiết kế, kiến trúc, trong xử lý nước, chất thải, bảo vệ môi trường, chuyển giao kết quả nghiên cứu và công nghệ mới;
- Đầu tư kinh doanh các công trình cấp, thoát nước và môi trường; đầu tư kinh doanh khu vui chơi giải trí, khu dân cư đô thị, đầu tư kinh doanh phát triển nhà;
- Thiết kế công trình xây dựng cầu đường;
- Xây dựng thực hiện các công trình xử lý nước sạch, nước thải; và
- Xây dựng thực nghiệm các đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật xây dựng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 26.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	2011
	(năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 4
Phương tiện vận tải	6 - 10

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. (nếu có và lãi tiền gửi được đánh giá là trọng yếu)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu ngắn hạn và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 giảm 6.230.184 VND (năm 2010: 47.439.819 VND) và khoản mục "chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ tăng một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS10.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào phát sinh, theo đó Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	2.462.574	335.280.042
Tiền gửi ngân hàng	4.823.454.257	2.179.386.688
Các khoản tương đương tiền (i)	1.500.000.000	4.000.000.000
	6.325.916.831	6.514.666.730

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX

Nhà D9, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	-	156.000.000
Ứng trước cho các đơn vị nội bộ chi phí thực hiện dự án	960.441.000	223.987.000
Phải thu khác	458.448.152	568.972.349
	<u>1.418.889.152</u>	<u>948.959.349</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.190.907	11.156.088
Công cụ, dụng cụ	-	2.320.000
Chi phí sản xuất kinh, doanh dở dang	2.627.879.600	3.522.669.590
	<u>2.635.070.507</u>	<u>3.536.145.678</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2011	3.722.972.229	1.346.392.315	2.404.306.482	7.473.671.026
Tăng trong năm	-	196.126.365	-	196.126.365
Thanh lý, nhượng bán	-	(24.633.800)	-	(24.633.800)
Tại ngày 31/12/2011	<u>3.722.972.229</u>	<u>1.517.884.880</u>	<u>2.404.306.482</u>	<u>7.645.163.591</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2011	1.884.096.667	834.044.436	1.335.242.631	4.053.383.734
Trích khấu hao trong năm	163.596.256	242.858.869	239.678.684	646.133.809
Thanh lý, nhượng bán	-	(24.633.800)	-	(24.633.800)
Tại ngày 31/12/2011	<u>2.047.692.923</u>	<u>1.052.269.505</u>	<u>1.574.921.315</u>	<u>4.674.883.743</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.675.279.306</u>	<u>465.615.375</u>	<u>829.385.167</u>	<u>2.970.279.848</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.838.875.562</u>	<u>512.347.879</u>	<u>1.069.063.851</u>	<u>3.420.287.292</u>

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 với giá trị là 911.110.301 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 858.612.874 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINA CONEX

Nhà D9, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Sàn tầng 6 nhà 25T2 - Dự án nhà N05	25.116.246.202	24.044.436.479
	25.116.246.202	24.044.436.479

Công ty đã thế chấp công trình xây dựng cơ bản dở dang trên để làm tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nguyễn Trãi (như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 - Vay và nợ dài hạn). Trong năm, toàn bộ chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào giá trị công trình với số tiền là 2.041.308.666 VND.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Vinaconex	2.028.510.000	2.028.510.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Vinaconex 36	2.628.000.000	2.628.000.000
	4.656.510.000	4.656.510.000

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Vinaconex	Thanh Hóa	61,47	61,47	Tư vấn xây dựng
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Vinaconex 36	Hà Nội	55,50	55,50	Tư vấn xây dựng

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vật tư ngành nước Vinaconex	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	1.000.000.000	1.000.000.000
	2.000.000.000	1.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (i)	(1.000.000.000)	-
	1.000.000.000	1.000.000.000

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi và quyết định lập dự phòng 100% giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vật tư ngành nước Vinaconex.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX

Nhà D9, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn	4.135.575.667	-
Vay ngắn hạn ngân hàng (i)	1.075.575.667	-
Vay ngắn hạn cá nhân (ii)	3.060.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16)	4.200.000.000	4.200.000.000
	8.335.575.667	4.200.000.000

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐ ngày 11 tháng 7 năm 2011 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây. Hạn mức dư nợ tối đa của khoản vay này là 4.500.000.000 VND. Khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn vay và lãi suất được xác định trong từng kế ước tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi cho hoạt động sản xuất kinh doanh bằng Việt Nam đồng và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác và các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty với các đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.
- (ii) Vay ngắn hạn cá nhân thể hiện khoản vay từ người lao động trong Công ty. Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn vay là 06 tháng với lãi suất vay là 18%/năm. Các khoản vay này không có tài sản thế chấp.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.385.951.449	1.166.649.367
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.106.407.313	530.837.536
Thuế thu nhập cá nhân	383.415.912	159.227.598
	4.875.774.674	1.856.714.501

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trích trước chi phí thực hiện các công trình, dự án:	982.146.762	-
- Dự án Bắc An Khánh	150.429.091	-
- Dự án Trung tâm Thương mại Chợ Mơ	831.717.671	-
Chi phí lãi vay	160.377.838	-
Chi phí phải trả khác	74.833.664	107.349.040
	1.217.358.264	107.349.040

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI, NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	179.196.607	250.698.165
Bảo hiểm xã hội	30.184.024	6.282.774
Bảo hiểm y tế	-	125.744
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	585.573.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	358.911.702	258.923.596
	568.292.333	1.101.603.279

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX

Nhà D9, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nguyễn Trãi (i)	6.400.000.000	10.600.000.000
	6.400.000.000	10.600.000.000

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 80/HĐTD 2010 ngày 13 tháng 10 năm 2010 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nguyễn Trãi, hạn mức cho vay là 20.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày 13 tháng 10 năm 2010 đến ngày 13 tháng 10 năm 2015. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng cộng biên độ tối thiểu 3,6%/năm. Mục đích của khoản vay là để đầu tư mua 1.622,6 m² diện tích thương mại, văn phòng Tòa nhà chung cư 25T2 tại Cụm nhà ở hỗn hợp cao tầng tại lô đất N05 thuộc Dự án khu đô thị Đông Nam, đường Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Trong vòng một năm	4.200.000.000	4.200.000.000
Trong năm thứ hai	4.200.000.000	4.200.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.200.000.000	6.400.000.000
	10.600.000.000	14.800.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	4.200.000.000	4.200.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	6.400.000.000	10.600.000.000

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	11.000.000.000	1.624.190.000	23.364.632	1.027.731.750	75.592.700	2.290.284.753	16.041.163.835
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	3.850.051.052	3.850.051.052
Trích quỹ thuộc VCSH	-	-	-	603.405.430	169.495.907	(772.901.337)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(967.016.814)	(967.016.814)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(549.900.000)	(549.900.000)
Tăng khác	-	-	24.075.187	-	-	-	24.075.187
Giảm khác	-	-	-	-	(10.000.000)	-	(10.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2011	11.000.000.000	1.624.190.000	47.439.819	1.631.137.180	235.088.607	3.850.517.654	18.388.373.260
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	4.022.418.030	4.022.418.030
Trích quỹ thuộc VCSH (i)	-	-	-	1.545.929.653	269.536.236	(1.815.465.889)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(385.051.765)	(385.051.765)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	(1.650.000.000)	(1.650.000.000)
Giảm khác	-	-	(41.209.635)	-	-	-	(41.209.635)
Số dư tại ngày 31/12/2011	11.000.000.000	1.624.190.000	6.230.184	3.177.066.833	504.624.843	4.022.418.030	20.334.529.890

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX

Nhà D9, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(i) Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/CTTV ngày 05 tháng 4 năm 2011 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2010.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 5 số 0101445446 ngày 25 tháng 4 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 11.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp			Vốn thực góp đến ngày 31/12/2011		
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền (VND)
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	561.000	51%	5.610.000.000	561.000	51%	5.610.000.000
Các cổ đông khác	539.000	49%	5.390.000.000	539.000	49%	5.390.000.000
	1.100.000	100%	11.000.000.000	1.100.000	100%	11.000.000.000

18. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2011 VND	2010 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát và thiết kế	77.745.022.939	60.895.948.402
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Giảm giá dịch vụ	(306.285.258)	(659.233.297)
	77.438.737.681	60.236.715.105

19. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2011 VND	2010 VND
Giá vốn hoạt động tư vấn, thiết kế và giám sát	55.279.612.093	46.703.132.492
	55.279.612.093	46.703.132.492

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011 VND	2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	184.867.098	464.255.840
Cổ tức, lợi nhuận được chia	600.886.233	439.815.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	48.746.116	249.352.282
	834.499.447	1.153.423.122

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2011 VND	2010 VND
Lãi tiền vay	2.046.878.196	95.661.838
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.000.000.000	-
	3.046.878.196	95.661.838

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX

Nhà D9, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2011	2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.238.315.539	6.711.166.487
Chi phí nhân công	37.044.685.903	29.604.647.672
Chi phí máy và khấu hao tài sản cố định	2.831.307.940	1.601.205.725
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.660.092.268	6.429.042.715
Chi phí bằng tiền khác	2.849.429.694	7.007.660.967
	66.623.831.344	51.353.723.566

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2011	2010
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	5.162.928.629	4.929.689.170
<i>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</i>		
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	(600.886.233)	(1.010.887.321)
Thu nhập chịu thuế	4.562.042.396	3.918.801.849
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.140.510.599	979.700.463
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	99.937.655
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.140.510.599	1.079.638.118

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2011	2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.022.418.030	3.850.051.052
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.022.418.030	3.850.051.052
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.100.000	1.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.657	3.500

25. CÁC KHOẢN CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Theo Hợp đồng số 413/VC/HĐMB/25T2 ngày 22 tháng 6 năm 2010, Công ty ký hợp đồng với Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam mua 1.622,6 m² diện tích thương mại, văn phòng tại tầng 6 Tòa nhà chung cư 25T2 tại Cụm nhà ở hỗn hợp cao tầng tại lô đất N05 thuộc Dự án khu đô thị Đông Nam, đường Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội với số tiền là 45.432.800.000 VND (đã bao gồm thuế GTGT và 2% phí bảo trì). Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã thanh toán được 55% giá trị hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 và Thuyết minh số 16, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.325.916.831	6.514.666.730
Phải thu khách hàng và phải thu khác	57.183.354.007	30.425.079.564
Đầu tư ngắn hạn	-	1.000.000.000
Đầu tư dài hạn	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng	64.509.270.838	38.939.746.294
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	14.735.575.667	14.800.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	28.931.029.614	20.098.119.373
Chi phí phải trả	1.217.358.264	107.349.040
Tổng cộng	44.883.963.545	35.005.468.413

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản			
	31/12/2011		31/12/2010	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Đôla Mỹ (USD) - Tiền và các khoản tương đương tiền	50.594	#####	75.720	1.577.089.078
Euro (EUR) - Tiền và các khoản tương đương tiền	127	3.432.477	7117	192.484.532

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Công ty có khoản đầu tư vào Công ty con và các khoản đầu tư dài hạn khác (như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 và 11). Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	8.335.575.667	6.400.000.000	14.735.575.667
Phải trả người bán và phải trả khác	28.931.029.614	-	28.931.029.614
Chi phí phải trả	1.217.358.264	-	1.217.358.264
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	4.200.000.000	10.600.000.000	14.800.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	20.098.119.373	-	20.098.119.373
Chi phí phải trả	107.349.040	-	107.349.040

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.325.916.831	-	6.325.916.831
Phải thu khách hàng và phải thu khác	57.013.308.205	170.045.802	57.183.354.007
Đầu tư dài hạn	-	1.000.000.000	1.000.000.000
31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.514.666.730	-	6.514.666.730
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.128.212.966	296.866.598	30.425.079.564
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	1.000.000.000	1.000.000.000

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.



Nguyễn Thanh Phương
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2012

Bùi Thế Hải
Kế toán trưởng

Phạm Thị Phương Hoa
Người lập biểu

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 4 6288 3568
Fax: +84 4 6288 5678

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 11, Phòng 1101, Trung tâm Thương mại Sài Gòn
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +84 8 3910 0751
Fax: +84 8 3910 0750

www.deloitte.com/vn